TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2019
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình H

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh
2. Ông Cao Hữu Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Huân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2019, về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm: 1981
Địa chỉ cư trú: Thôn Tân Quý, xã Cam Thành Bắc, Hện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Đồng Dương H**, sinh năm: 1977
Địa chỉ cư trú: Thôn Trà Sơn, xã Cam Phước Đông, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019, bản tự khai ngày 12/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày: Chị và anh H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Cam Phước Đông, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 56, quyển số 01/2009, cấp ngày 05/11/2009.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, nguyên

nhân giữa chị và anh H không hòa hợp với nhau và bất đồng quan điểm sống và không còn quan tâm lẫn nhau. Ngoài ra phía gia đình chồng chị gây áp lực làm cho cuộc sống của chị lúc nào cũng căng thẳng, bế tắc. Vì con chị cố gắng chịu đựng chung sống cùng anh H nhưng tình trạng vợ chồng ngày càng tồi tệ nên vào đầu năm 2016 chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột tại xã Cam Thành Bắc, Huyện C sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay đã hơn 3 năm, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đồng Dương H.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Đồng Thúy H, sinh ngày: 31/5/2011. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị.

Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 08/3/2019, bị đơn anh Đồng Dương H trình bày: Anh và chị T kết hôn vào năm 2009 và được UBND xã Cam Phước Đông, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 56, quyển số 01/2009, cấp ngày 05/11/2009.

Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị T xả ra nhiều mâu thuẫn, không hòa giải được và anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên là Đồng Thúy H, sinh ngày: 31/5/2011. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị T. Anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; Về con chung: Chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đồng Thúy H, sinh ngày: 31/5/2011 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có. Chị T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án:

Trích lục kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 56, quyển số 01/2009 cấp ngày 05/11/2009 của UBND xã Cam Phước Đông, thị xã C.

Giấy khai sinh mang tên Đồng Thúy H.

Chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị T.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Đỗ Thị T.

Quyết định về việc điều chỉnh dân tộc trong giấy chứng nhận kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Đồng Dương H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[1.2] Chị Đỗ Thị T yêu cầu ly hôn anh Đồng Dương H. Yêu cầu của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Cam Phước Đông, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 56, quyển số 01/2009, cấp ngày 05/11/2009. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa chị và anh H không hòa hợp với nhau và bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng một thời gian dài để nuôi dạy con cái nhưng tình trạng vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên đến đầu năm 2016 chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột tại xã Cam Thành Bắc, Huyện C sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay đã hơn 3 năm, không còn quan tâm đến nhau, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H. Tại phiên tòa hôm nay chị xác định không còn tình cảm với anh H và kiên quyết ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh H đã có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt và có ý kiến thừa nhận giữa anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn và đồng ý theo yêu cầu của chị T. Tại biên bản xác minh ngày 15/3/2019, chính quyền địa phương cho biết: "Thời gian gần đây khoảng 2-3 năm vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không rõ. Chị T đã cùng con bỏ về Cam Thành Bắc, huyện C sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay".

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Đồng Thúy H, sinh ngày: 31/5/2011. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị. Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Đồng Thúy H, sinh ngày: 31/5/2011 hiện nay còn nhỏ, lại là nữ cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ, hơn nữa hiện nay cháu H do chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và có nguyện vọng được chung sống với chị T. Do đó, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đồng Thúy H là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng

của cháu H và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] V*ề cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56*;* Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Đồng Dương H.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu: Đồng Thúy H, sinh ngày: 31/5/2011.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị T về việc không yêu cầu anh Đồng Dương H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000278 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ.

Chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Đồng Dương H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã Cam Phước Đông, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn

Nguyễn Đình Huy